

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 7**

Địa chỉ: Số 332 - đường 2 tháng 9 - TP Đà Nẵng

Điện thoại: (0511) 3 245 120 Fax: (0511) 3 621 722

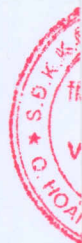
---

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 7**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2012 ĐẾN NGÀY 30/6/2012**

**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**



---

*Được soát xét bởi:*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI**

Địa chỉ: Số 3 ngõ 1295 đường Giải Phóng, Hoàng Mai, Hà Nội

Tel: 0349 745 080

Fax: 0439 745 083

Hà nội, tháng 8 năm 2012

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 7**

Địa chỉ: Số 332 - đường 2 tháng 9 - TP Đà Nẵng

Điện thoại: (0511) 3 245 120 Fax: (0511) 3 621 722

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>Trang</u></b>
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	2 - 4
<b>Báo cáo kết quả công tác soát xét</b>	5
<b>Báo cáo tài chính đã được soát xét</b>	
Bảng cân đối kế toán	6-8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11-24
<i>Phụ lục số 01: Bảng tăng giảm tài sản cố định hữu hình</i>	25
<i>Phụ lục số 02: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu</i>	26

10/11/2011

## CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 7

Địa chỉ: Số 332 - đường 2 tháng 9 - TP Đà Nẵng

Điện thoại: (0511) 3 245 120 Fax: (0511) 3 621 722

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần LILAMA 7 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012.

#### KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Lilama 7 tiền thân là Xí nghiệp Lắp máy số 7 thuộc liên hiệp các Xí nghiệp Lắp máy - Bộ Xây dựng được thành lập theo quyết định số 003A/BXD-TCLĐ ngày 07 tháng 01 năm 1993 của Bộ Xây dựng.

Theo quyết định số 05/BXD – TCLĐ ngày 02 tháng 01 năm 1996 của Bộ Xây dựng, Xí nghiệp Lắp máy số 7 được đổi tên thành Công ty Lắp máy và Xây dựng số 7, hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 110014 ngày 15/10/1996, sửa đổi bổ sung ngày 02/12/2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng cấp.

Công ty lắp máy và xây dựng số 7 chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Lilama 7 từ ngày 01 tháng 06 năm 2007 theo giấy đăng ký kinh doanh số 3203001431 ngày 18 tháng 05 năm 2007, thay đổi lần thứ hai ngày 14 tháng 5 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp. Theo đó, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Lắp đặt máy móc và thiết bị các công trình;
- Khảo sát thiết kế, tư vấn xây dựng các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi. Tư vấn đầu tư lắp đặt các dây chuyền công nghệ, kiểm tra mỗi hàn bằng phương pháp không phá hủy (siêu âm, thẩm thấu, từ tính Xray);
- Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, hệ thống nhiệt, hệ thống điều khiển tự động các dây chuyền công nghệ, chống ăn mòn bề mặt kim loại;
- Xây dựng, lắp đặt các công trình dân dụng, công nghiệp (xi măng, các công trình công nghiệp khác).
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng, lắp đặt các công trình thủy điện, nhiệt điện, dầu khí, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp, đường dây tải điện, trạm biến thế, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Gia công chế tạo thiết bị nâng, thiết bị chịu áp lực (bình bể, đường ống chịu áp lực), thiết bị cơ, thiết bị điện, kết cấu thép phi tiêu chuẩn, cung cấp lắp đặt và bảo trì thang máy, đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa; Sản xuất, kinh doanh vật tư, đất đèn, que hàn, ô xy, phụ tùng cấu kiện kim loại cho xây dựng;
- Thi công xử lý nền móng, trang trí nội thất. Kinh doanh xuất, nhập khẩu vật tư thiết bị, các dây chuyền công nghệ, vật liệu xây dựng, điện máy, hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh), phụ tùng, dụng cụ cơ khí, dầu, mỡ, khí công nghiệp;

Trụ sở chính của Công ty tại Số 332 - đường 2 tháng 9 - Quận Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng.

Vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 5.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

	Số cổ phần	Số tiền tương ứng	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Vốn góp nhà nước	2.550.000	25.500.000.000	51 %
Vốn góp của cổ đông khác	2.450.000	24.500.000.000	49 %
	<b>5.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 7

Địa chỉ: Số 332 - đường 2 tháng 9 - TP Đà Nẵng

Điện thoại: (0511) 3 245 120 Fax: (0511) 3 621 722

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Nguyễn Văn Kiên	Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Hải Sơn	Thành viên HĐQT
Ông Tô Minh Thúc	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Vịnh	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Hồng Thái	Thành viên HĐQT

Các thành viên Ban giám đốc và kế toán trưởng bao gồm

Ông Nguyễn Văn Kiên	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Thái	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Tô Minh Thúc	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Trần Hải Sơn	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Lê Văn Bảo	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Vũ Anh Tuấn	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Võ Duy Chính	Kế toán trưởng

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm

Ông Nguyễn Mạnh Hương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 28/4/2012
Ông Bùi Đức Kiên	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 28/4/2012
Ông Trần Anh Đức	Thành viên	
Ông Trần Anh Dũng	Thành viên	

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HN) là đơn vị đủ điều kiện kiểm toán các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán theo quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Bộ Tài chính đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 của Công ty cổ phần Lilama 7.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

## CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 7

Địa chỉ: Số 332 - đường 2 tháng 9 - TP Đà Nẵng

Điện thoại: (0511) 3 245 120 Fax: (0511) 3 621 722

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban giám đốc Công ty cũng xác nhận tính đầy đủ và hiện hữu của các khoản mục tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định, công nợ phải thu, phải trả tại ngày 30/6/2012 trên Báo cáo tài chính của Công ty, chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lý và hợp lệ của mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại Công ty.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 4 năm 2012 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/6/2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012, phù hợp với Chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần LILAMA 7  
phê duyệt Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày  
01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 của Công ty.

*Đà Nẵng, ngày 25 tháng 7 năm 2012*

**Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**  
**Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Văn Kiên**



Số : 217/BCKT/TC

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2012

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**

Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

của Công ty cổ phần LILAMA 7

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cổ phần LILAMA 7

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần LILAMA 7 được lập ngày 20/7/2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/6/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 được trình bày từ trang 06 đến trang 26 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty được ghi nhận tại trang 2,3 và 4 của Báo cáo Ban Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

*Các vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của Kiểm toán viên*

Như thuyết minh V.05 trang 17 về chi phí lãi vay đã trình bày, tại thời điểm 30/6/2012 Công ty chưa phân bổ hết chi phí lãi vay để xác định kết quả sản xuất kinh doanh cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng tới Kết quả kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2012 của Công ty, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lilama 7 tại ngày 30/6/2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012, phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Tổng Thị Bích Lan**

**Nguyễn Ngọc Tinh**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: Đ. 0060/KTV

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: Đ.0132/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>119.403.682.281</b>	<b>127.015.445.396</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>437.820.235</b>	<b>11.231.577.520</b>
1. Tiền	111	V.01	437.820.235	11.231.577.520
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>38.234.750.827</b>	<b>34.471.347.874</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	V.02	34.029.023.060	29.537.850.521
2. Trả trước cho người bán	132		3.411.816.345	3.985.221.633
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ HỖXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.03	1.422.329.252	1.576.693.550
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(628.417.830)	(628.417.830)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>70.466.442.239</b>	<b>74.476.469.266</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	70.466.442.239	74.476.469.266
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10.264.668.980</b>	<b>6.836.050.736</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.05	2.570.000.000	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.06	10.286.984	10.286.984
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.07	7.684.381.996	6.825.763.752
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>82.905.107.737</b>	<b>87.528.859.447</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>78.400.028.573</b>	<b>83.309.895.437</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	61.705.600.047	66.493.841.523
- Nguyên giá	222		105.778.473.564	105.407.923.564
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(44.072.873.517)	(38.914.082.041)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	16.694.428.526	16.816.053.914
- Nguyên giá	228		17.329.808.962	17.309.108.962
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(635.380.436)	(493.055.048)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.505.079.164</b>	<b>4.218.964.010</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	4.505.079.164	4.218.964.010
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>202.308.790.018</b>	<b>214.544.304.843</b>

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>144.466.349.181</b>	<b>156.188.359.628</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>115.858.397.986</b>	<b>125.661.791.727</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	63.352.206.368	63.894.257.209
2. Phải trả người bán	312	V.12	15.277.580.787	24.758.175.259
3. Người mua trả tiền trước	313	V.13	7.975.686.615	11.251.665.972
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	11.932.899.022	8.084.007.932
5. Phải trả công nhân viên	315		4.666.903.698	7.015.681.543
6. Chi phí phải trả	316	V.15	2.233.400.967	171.847.395
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo kế hoạch tiến độ HĐXD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.16	10.300.076.912	10.404.346.528
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		119.643.617	81.809.889
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>28.607.951.195</b>	<b>30.526.567.901</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.17	27.511.464.790	29.549.001.782
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		640.311.369	657.754.719
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		456.175.036	319.811.400
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>57.842.440.837</b>	<b>58.355.945.215</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>57.842.440.837</b>	<b>58.355.945.215</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.243.508.000	5.243.508.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		60.499.310	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(234.202)	14.094.401
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.403.948.462	1.351.260.463
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		573.395.732	537.096.146
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		561.323.535	1.209.986.205
<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>202.308.790.018</b>	<b>214.544.304.843</b>

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)



**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
1. Tài sản thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	002		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	007		-	-
- USD			334,61	513,49
6. Dự toán chi hoạt động	008		-	-

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ( )

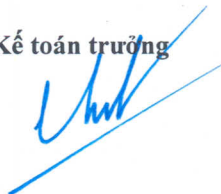
Đà Nẵng, ngày 20 tháng 7 năm 2012

Người lập biểu



Nguyễn Thị Kiều Anh

Kế toán trưởng



Võ Duy Chính

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Kiên

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Đơn vị tính: đồng	
			Năm 2012	Năm 2011	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.19	37.991.079.565	35.670.554.325	57.487.141.978	50.050.582.753
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V.20	37.991.079.565	35.670.554.325	57.487.141.978	50.050.582.753
4. Giá vốn hàng bán	11	V.21	30.090.016.290	30.867.201.686	46.071.738.751	41.098.126.757
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.901.063.275	4.803.352.639	11.415.403.227	8.952.455.996
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.22	4.548.646	66.013.912	13.050.639	90.006.484
7. Chi phí tài chính	22	V.23	4.541.604.619	2.834.682.225	6.496.779.222	5.123.982.920
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.493.496.447	2.749.161.437	6.448.671.050	5.038.462.132
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.843.793.858	1.701.389.694	4.170.501.237	3.511.731.106
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		520.213.444	333.294.632	761.173.407	406.748.454
11. Thu nhập khác	31		192.172.363	349.803.660	205.510.923	360.475.283
12. Chi phí khác	32		16.555.066	528.911.670	165.693.613	562.630.877
13. Lợi nhuận khác	40		175.617.297	(179.108.010)	39.817.310	(202.155.594)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		695.830.741	154.186.622	800.990.717	204.592.860
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.24	213.377.188	38.546.655	239.667.182	51.148.215
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		482.453.553	115.639.967	561.323.535	153.444.645
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		96	23	112	31

Người lập biểu



Nguyễn Thị Kiều Anh

Kế toán trưởng



Võ Duy Chính

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 7 năm 2012

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Kiên

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Theo phương pháp trực tiếp  
Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: đồng	
		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này (năm nay)	Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này (năm trước)
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	55.468.704.280	101.259.421.744
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(32.376.345.004)	(77.338.680.448)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(23.722.481.257)	(10.564.181.637)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(6.957.117.478)	(7.600.462.132)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	(305.453.162)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.604.704.293	1.788.244.276
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2.859.554.941)	(3.246.562.694)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(7.842.090.107)</b>	<b>3.992.325.947</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(360.267.600)	(1.684.929.106)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.134.126	29.500.372
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(351.133.474)</b>	<b>(1.655.428.734)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	33.564.146.822	44.172.688.586
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(36.143.734.655)	(44.492.366.294)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(20.500.000)	(882.045.340)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(2.600.087.833)</b>	<b>(1.201.723.048)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(10.793.311.414)</b>	<b>1.135.174.165</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>11.231.577.520</b>	<b>2.463.633.101</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(445.871)	856.685
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>437.820.235</b>	<b>3.599.663.951</b>

Người lập biểu



Nguyễn Thị Kiều Anh

Kế toán trưởng



Võ Duy Chính

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 7 năm 2012

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Kiên

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)